

Bản án số: 397/2018/HS-PT
Ngày 24 tháng 7 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 193/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hữu C do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2018/HS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 537/2018/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

-Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu C (Thầy C), sinh ngày 08/4/1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A1, xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: đạo Phật; cha (không xác định) và bà Nguyễn Thị T1; chung sống như vợ chồng với Mại Thị Diễm H; có 01 con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/6/2017, chuyển tạm giam ngày 14/6/2017 cho đến nay (Có mặt).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn đưa ra xét xử đối với các bị cáo: Phan Đình B, Phạm Thị Thúy A, Nguyễn Thị T, Phan Văn R, Trần Thị O. Các bị cáo

và người bị hại không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Đình B và các bị cáo khác về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Che giấu tội phạm” và “Không tố giác tội phạm” do liên quan đến hai vụ án trộm cắp tiền, vàng ở Tiệm vàng K thị trấn M1 và Tiệm vàng K1 ở xã A3, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong đó, vụ án liên quan đến kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu C như sau:

Vào ngày 18/4/2016, Phan Đình B từ nhà mẹ vợ là Nguyễn Thị T, ngụ: Ấp A4, xã A2, huyện M đến khu vực gần cầu Bà Hạt thuộc xã A2, huyện M chơi đánh bạc. B thua hết tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của người khác ở thị trấn M1, huyện M, B xin được ít tiền từ những người cùng đánh bạc và thuê anh B1, ĐKTT: Ấp A4, xã A2, huyện M, chở đến khu vực thị trấn M1, B và anh B1 vào ăn uống xong B đưa cho anh B1 khoảng 850.000 đồng và dặn B1 khi nào B điện thoại thì đến chở về, anh B1 đồng ý và đi về nhà. Khoảng 22 giờ trên đường đi B nhìn thấy tiệm vàng K tại số 04, đường Đ, Khu phố 2, thị trấn M1, huyện M còn sáng đèn, cửa bên hông trên tầng 1 còn mở. Thấy vắng người nên B trèo lên tầng 1 đột nhập vào bên trong rồi đi xuống tầng gác lửng nhìn thấy chị Trần Thị Mỹ H1 chủ tiệm đang ngồi kiểm tra tiền, vàng ở tầng trệt quầy bán vàng, B ngồi ẩn nấp ở tầng gác lửng đợi đến khi chị H1 lên tầng 1 ngủ, B tìm lấy 01 (một) ba lô, đi xuống tầng trệt thấy cửa vào quầy bán vàng khóa nên quay trở lại gác lửng tìm lấy 01 (một) cây kim cắt sắt, 02 (hai) tua-nơ-vít, 01 (một) cây nhíp bằng kim loại và 01 (một) cây nong nhẩn bằng kim loại màu trắng, B trở lại tầng trệt dùng kim cắt khoen, khóa cửa, vào quầy trưng bày bán vàng mở các ngăn tủ lấy vàng và tiền bỏ vào ba lô, sau đó đi trở lên cầu thang ra cửa hông tầng 1. Lúc này vợ chồng chị Huỳnh Thị Nhã P đang ngủ ở tầng 2 nghe tiếng động nên gọi chồng là Đoàn Long H2 dậy kiểm tra, khi anh H2 xuống tầng 1 thì phát hiện có dáng người nhảy từ tầng 1 xuống mặt đường. Lúc này, chị Dương Thị Thúy P1 cùng chồng là Châu Văn T2 ở gần đó nhìn thấy B và truy hô.

Trên đường tẩu thoát, Phan Đình B điện thoại cho anh B1, khi B chạy đến khu vực ấp Hội An đường về Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện M thì gặp anh B1 chạy xe đến và chở B về nhà anh B1. Tại đây, B xin anh B1 quần áo để thay bộ đồ đang mặc trên người và đem đốt quần áo vừa thay ra rồi B đi về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị T tại ấp A1, xã A2, huyện M. Khoảng 03 giờ sáng ngày 19/4/2016, B mở cửa đi vào trong nhà gọi bà T dậy, đưa cho bà T 03 (ba) cọc

tiền khoảng 30.000.000 đồng và nói “con cho mẹ tiền”, nhìn thấy tiền bà T hỏi “tiền gì con cho mẹ”, B nói là tiền đánh tài xỉu thắng, nhưng bà T không tin nên gọi vợ của B là Phạm Thị Thúy A thức dậy gắng hỏi thì B mới nói là tiền vừa lấy trộm được. Sau đó, B mở ba lô ra cho bà T và A xem, bà T và A khuyên B sáng hôm sau đi đầu thú nhưng B không trả lời.

Sáng ngày 19/4/2016, bà T kêu A điện thoại cho cha mẹ chồng (ông Phan Văn R và bà Trần Thị O) đến nhà để bàn công việc. Khi ông R và bà O từ thị trấn M1 đến, bà T nói lại cho ông R và bà O biết việc B lấy trộm vàng và tiền ở khu vực chợ thị trấn M1, huyện M. Mọi người khuyên đi đầu thú nhưng B không đồng ý. Một lúc sau, B lấy 35.000.000 đồng (tiền vừa trộm được) rồi nhờ ông R chở đi trả nợ và chuộc xe mà B đã cầm cho anh Lương Văn Q, ĐKTT: Ấp A4, xã A2, huyện M trước đó.

Qua trao đổi, bà T yêu cầu ông R, bà O mang số tài sản B trộm về nhà ở thị trấn M1, ông R đồng ý. B vào phòng lấy túi xách đựng tiền trộm được đưa cho ông R rồi cùng bà O mang về nhà tại số 123/B, Khu phố 3, thị trấn M1, huyện M cất giấu. Đối với số vàng trộm được, B đưa A: 03 miếng vàng SJC, 01 dây chuyền vàng 24K, 03 dây chuyền và 01 lắc đeo tay vàng 18K; số vàng này, A đem bán 03 miếng vàng SJC được 76.400.000 đồng. A mua lại một số vàng nữ trang gửi cho bà Lê Thị L cất giữ, số tiền còn lại A tiêu xài cá nhân. Đối với bà Nguyễn Thị T, ngoài số tiền B cho 30.000.000 đồng, A còn đưa cho bà T 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, số tiền trên bà T tiêu xài và mua một số vàng nữ trang nhờ A gửi bà Nguyễn Thị H3. Vào trưa ngày 20/4/2016 B và A mang số vàng còn lại, đến nhà ở thị trấn M1 giao cho ông R cất giữ.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Thị T cùng với Phạm Thị Thúy A bàn bạc và đi đến nhà Nguyễn Hữu C (C là thầy cúng) kể lại sự việc B lấy trộm nhiều tài sản và nhờ C tìm cách giúp tránh sự phát hiện. C kêu A gọi B đến, khi đến nhà, B kể lại sự việc lấy trộm tài sản và nói rằng số tiền, vàng do cha của mình là ông Phan Văn R đang cất giấu. C kêu B nói với ông R đem đồ (vàng và tiền) xuống để C cúng giải hạn. Sau đó, ông R chở túi đựng vàng và tiền đến nhà đưa cho C cất giữ. Thấy số tài sản có giá trị lớn nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện C đến nhà bà T tại đây, C trao đổi với bà T, B và A về cách giải quyết đối với số vàng và tiền bằng cách mang đi bỏ xuống sông C1. Nghe vậy, bà T, B và A đều đồng ý nên C nói với B chiều đến nhà mình đem vàng và tiền đi ra sông vứt bỏ. Khi về đến nhà, C lấy toàn bộ số vàng và tiền mà ông R đưa đem cất giấu, rồi lấy đá và giấy vụn để vào túi xách đựng tiền, vàng và buộc lại như tình trạng ban đầu. Đến chiều cùng ngày, B và C đem túi xách mà trước đó C đã bỏ đá và giấy vụn ném xuống giữa sông cầu C1. Sau đó C mang số vàng trên bán nhiều lần, nhiều nơi ở tỉnh Tiền Giang và Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tiền thu được sử dụng vào việc mua sắm tài sản, sang lắp, xây dựng nhà cửa, gửi ngân hàng và tiêu

xài... Ngoài ra, Nguyễn Hữu C còn cho ông Lê Văn H4, sinh năm 1965, ĐKTT: Ấp An Hòa, xã A3, huyện M mượn 50.000.000 đồng đến nay chưa thu hồi được. Số vàng còn lại Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét, thu giữ.

Ngày 08/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Hữu C. Kết quả khám xét, Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 (một) túi nhựa nilong màu trắng, kích thước (7,5cm x 4cm), miệng túi có dây kéo dạng bóp, phía trên có đường chỉ màu đỏ, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng không rõ trọng lượng; 01 (một) chai thủy tinh, chiều cao 7,5cm, đường kính mặt dưới chai là 03cm, trên thân chai có ghi chữ GHB Hydroxy butyric, bên trong có chứa chất lỏng không rõ thể tích. Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 2049/C54B ngày 21/6/2017 và ngày 18/7/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong túi nilong có trọng lượng là 1,5424gam Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ. Chất lỏng đựng trong chai thủy tinh màu nâu có nhãn hiệu “GHB Hydroxybutyric” là ma túy, có thể tích 20ml.

Kết luận giám định số 1777/C54B ngày 23/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vân tay thu được trên cây nông nhần tại hiện trường là dấu vân tay ngón cái phải của Phan Đình B.

Đối với người bị hại Trần Thị Mỹ H1 trình báo số tài sản bị mất trộm vào ngày 19/4/2016 bao gồm: 510.000.000 đồng và 105 lượng vàng, trong đó có vàng 18k và vàng 24k. Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 09/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bến Tre xác định: Tổng giá trị thiệt hại vàng được tính bằng tiền tại thời điểm bị mất là 2.812.000.000 đồng. Như vậy, Phan Đình B đã chiếm đoạt 3.322.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2018/HS-ST ngày 09/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, khoản 1 Điều 194; điểm b (cho tội tiêu thụ), điểm p (cho hai tội) khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 (hai tội); Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C (Thầy C) 10 (mười) năm tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02 (hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Hữu C chấp hành chung cho hai tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 08/6/2017;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh và hình phạt đối với các bị cáo: Phan Đình B, Phạm Thị Thuý A, Nguyễn Thị T, Phan Văn R, Trần Thị O; Quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/3/2018, bị cáo Nguyễn Hữu C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì mức án sơ thẩm xử nặng, bản thân bị cáo đã chịu phần trách nhiệm dân sự hơn so với số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt. Bị cáo là lao động chính, bị cáo còn nuôi di bị chất độc màu da cam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định. Nội dung vụ án đúng như chủ tọa phiên tòa tóm tắt. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, cùng những tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 22 giờ ngày 18/4/2016, Phan Đình B đã đột nhập vào cửa hàng vàng K tại số 04 Nguyễn Đình Chiểu, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre lấy trộm 510.000.000 đồng và 105 lượng vàng. Sau khi trộm được tiền vàng B về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị T cho bà T 30.000.000 đồng, bà T gọi vợ B là Phạm Thị Thuý A báo cho A biết và báo cho bố mẹ B xuống nói chuyện và cùng thống nhất mang tiền và vàng về nhà bố mẹ đẻ của B để cất giữ. Sau đó, bà T bà A cùng bàn nhau đến gặp Nguyễn Hữu C để kể chuyện và nhờ C tìm cách để B không bị phát hiện. C nói A kêu B xuống, B kể cho C nghe về việc trộm vàng và tiền, C nói B kêu ông R mang đồ (tiền và vàng) xuống để B cúng giải hạn. Khi ông R mang tiền vàng đến gửi tại nhà C, C mở ra thấy giá trị lớn nên nảy sinh ý định chiếm đoạt nên C đến nhà bà T bàn với bà T, A, B về việc vứt số vàng này xuống sông. Khi Thuý, A, B đồng ý C hẹn B chiều đến lấy vàng đem ra sông vứt. Khi về nhà C bỏ vàng ra khỏi túi và bỏ đá, giấy báo vào, cột lại như cũ rồi khi B tới đưa cho B vứt xuống sông. Số vàng lấy được C đem bán ở nhiều nơi, lấy tiền xây nhà, mua sắm tài sản, tiêu xài hết. Tổng số tiền, vàng B đưa cho C có giá trị là 3.005.669.227 đồng.

Ngày 08/6/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre đã tiến hành khám xét nhà C thu giữ 01 túi nylon màu trắng, bên trong chứa 1,5424g Methamphetamine và 01 chai thủy tinh bên trong chứa 20ml chất lỏng là ma túy.

[2] Xét, bị cáo Nguyễn Hữu C dù biết bị cáo B trộm cắp tài sản của người khác nhưng vẫn lợi dụng sự tin tưởng của B để chiếm lấy số tài sản trị giá 3.055.669.227, đem đi tiêu thụ ở nhiều nơi lấy tiền tiêu xài cá nhân nên Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điểm b Khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 để xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ pháp luật. Đồng thời khi thu giữ nhà của bị cáo đã thu được 1,5424g Methamphetamine và 20ml ma túy ở thể lỏng nên Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, do Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định nhẹ hơn so với Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nên cần áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt các bị cáo. Bản án sơ thẩm đã nhận định về việc áp dụng Bộ luật hình sự 2015 khi xem xét lượng hình cho bị cáo là có căn cứ.

[3] Về phần hình phạt: Khi lượng hình Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp lại một số tài sản, bồi thường cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để áp dụng điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu và tuyên phạt bị cáo với mức án 10 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp, không nặng. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo nại ra là có di bị chất độc màu da cam hiện bị cáo nuôi dưỡng nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về hình phạt:

1/ Áp dụng Điểm b Khoản 4 Điều 250; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 10 (mười) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2/ Áp dụng Điều 7, Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Điều p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự 1999, buộc bị cáo Nguyễn Hữu C phải chịu một hình phạt chung của cả 02 tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2017.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thanh Dũng

Phạm Trí Tuấn

Trần Thị Hòa Hiệp